

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/DS-PT

Ngày: 30-9-2020

V/v “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác lập quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Phước Hưng

2. Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 113/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác lập quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST, ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2020/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đào Đình T, sinh năm 1955.

1.2. Bà Võ Thị M, sinh năm 1962. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường V, khóm D, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Võ Thị M, sinh năm 1962. (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2018) (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà M:* Luật sư Trần Văn S - Văn phòng luật sư Trần Văn S thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

Địa chỉ: phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thanh H, sinh năm 1956. (chết ngày 23/01/2018 theo giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước cấp)

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Thanh H:* vợ và các con ông H theo Tờ cam kết không bỏ sót hàng thừa kế ngày 06/3/2018 gồm:

2.1. Bà Đặng Thị Kim Đ, sinh năm 1960.

2.2. Ông Võ Hồng S, sinh năm 1978.

2.3. Ông Võ Đình Tr, sinh năm 1980.

2.4. Bà Võ Hồng Thanh Tr1, sinh năm 1982.

2.5. Bà Võ Hồng Thanh T1, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: đường V, khóm D, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang

- *Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1:*

Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 51/2, đường Bùi Thị Xuân, phường Mỹ Xuyên, thành phố LX, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2018).

Ông Võ Hồng S ủy quyền cho ông Phan Văn Đ1, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: khóm B, phường Bình K, thành phố LX, An Giang ((Theo văn bản ủy quyền số: 238 ngày 29/9/2020).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang. (có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.2 Công ty TNHH B. Do ông Phan Minh T3 – giám đốc đại diện theo pháp luật. (có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: Trung B, xã Thoại G, huyện Th, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: , khóm Mỹ L, phường MP, thành phố LX, An Giang.

3.3 Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1980. (có văn bản xin vắng mặt).

Cư trú: đường V, khóm D, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang

Người kháng cáo: Võ Hồng S;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Đào Đình T và bà Võ Thị M trình bày:

Ông Đào Đình T và bà Võ Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00386/CA do UBND thị xã LX cấp ngày 19/12/1989, nguồn gốc đất được cấp giấy chứng nhận do cha là ông Nguyễn cho vào năm 1988, đến năm 1989 ông Nguyễn mất. Cùng thời điểm ông Nguyễn cho ông T, bà M còn cho các anh em khác trong gia đình, trong đó ông Võ Thanh H là người được cha cho phần nhiều nhất, sau khi cha cho anh em được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm vào năm 1989.

Sau khi được cấp giấy CNQSDĐ do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông T và bà M đã cho ông Võ Thanh H (anh ruột bà M) mượn sử dụng, đồng thời giao giấy CNQSDĐ cho ông H để ông H có cơ sở mua vật tư, tham gia Hợp tác xã và hai bên thỏa thuận khi nào bà M, ông T có nhu cầu sử dụng thì ông H phải trả lại đất. Đến năm 2004 ông bà có nhu cầu sử dụng thì ông H không trả và đem đất này cho thuê nên ông bà khởi kiện yêu cầu đòi lại đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại, mức bồi thường theo giá ông H đã cho thuê là, 3.000.000 đồng/công/năm. Qua trình tố tụng ông H chết nên phát sinh người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H.

Yêu cầu khởi kiện của ông T, bà M:

1. Yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H (Gồm: Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1) có trách nhiệm trả lại tài sản là quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.571 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00386 QSDĐ/eA ngày 19/12/1989 do UBND thị xã LX (nay là thành phố LX) cấp cho ông ông Đào Đình T.

2. Yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H (Gồm: Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1) có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do ông H không trả lại đất từ khi ông bà khởi kiện từ ngày 3/3/2004 đến ngày 3/3/2019 là 15 năm 3.000.000 đồng/công/năm. Cụ thể: 15 năm x 3.000.000 đồng/công/năm x 4.571 m² = 205.695.000 đồng. Rút lại yêu cầu tiếp tục tính đến ngày người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H thực hiện xong việc trả đất.

Theo nội dung đơn phản tố, quá trình tố tụng ông H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H, người đại diện hợp pháp trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất 4.571 m² ông H là người đứng ra thỏa thuận với ông Hồng (chủ mới) và là người trả tiền cho ông Hồng để nhận lại đất canh tác và canh tác từ năm 1988 đến nay. Theo bản kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm căn cứ cấp giấy đỏ cho ông T mặc dù ghi tên ông Đào Đình T nhưng do ông H ký tên thay cho ông T, việc ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H nhờ đứng tên dùm vì sợ vượt hạn mức quy định, lúc đó tâm lý vừa nhận lại đất lại từ chủ mới nên chủ cũ sợ tiếp tục bị nhà nước thu hồi. Ông T, bà M không biết được đứng tên quyền sử dụng 4.571 m² và không trực tiếp canh tác đến khi ông H yêu cầu sang tên lại thì phát sinh tranh chấp và bà M, ông T khởi kiện đòi lại đất.

Yêu cầu phản tố của ông H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00386 QSDĐ/eA ngày 19/12/1989 do UBND thị xã LX (nay là thành phố LX) cấp cho ông Đào Đình T với diện tích 4.571 m².

2. Yêu cầu công nhận quyền sử dụng 4.571 m² là của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Đại diện công ty Ba Lá Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Huệ không có ý kiến tranh chấp, xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

UBND thành phố LX có văn số số 11/UBND-NC xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đào Đình T với diện tích 4.571 m² là đúng trình tự theo quy định của pháp luật

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST, ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đình T và bà Võ Thị M đối với ông Võ Thanh H, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H là Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1 có trách nhiệm trả lại quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.571 m² được xác định tại các điểm 3-33-13-15-20-19-21 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX xác lập ngày 11/9/2019 (Số hồ sơ lưu: Điều chỉnh bản vẽ số 1414VP-15-PC; bản vẽ này là một bộ phận không tách rời của bản án). Ông T, bà M được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1 liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông T, bà M số tiền 205.695.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00386 QSDĐ/eA ngày 19/12/1989 do UBND thị xã LX (nay là thành phố LX) cấp mang tên ông Đào Đình T với diện tích 4.571 m² và công nhận quyền sử dụng là của các ông bà.

Đình chỉ đối với việc ông T, bà M rút lại yêu cầu tiếp tục tính bồi thường từ ngày 04/3/2019 đến ngày người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H thực hiện xong việc trả đất.

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 03/02/2020, ông Võ Hồng S kháng cáo: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm:

Viện kiểm sát tỉnh An Giang yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho cá nhân hay hộ, thời điểm cấp trong hộ có bao nhiêu thành viên; xác định ông Nguyễn Văn L, Hà Văn T3 là Trưởng tập đoàn, kế toán trưởng tập đoàn 2 hay không; ai trực tiếp bồi hoàn thành quả lao động cho ông Bùi Phát H? Xác định thời điểm ông H sử dụng đất trái phép gây thiệt hại cho nguyên đơn và giá thuê đất ruộng từ năm 2004 đến năm 2019 thay đổi như thế nào? Công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo đất của ông H từ năm 1998 đến nay?

Tòa án ban hành Công văn: 787 /TA-DS ngày 25/8/2020 về nội dung: Xác định thành viên trong hộ ông Đào Đình T, bà Võ Thị M;

Ngày 04/9/2020, Công an thành phố LX ban hành Công văn số: 2150/CATP-QLHC phúc đáp công văn của Tòa với nội dung xác định có 03 thành viên: chủ hộ Võ Thị M, sinh năm 1962; Đào Đình T, sinh năm 1955 (chồng) và Đào Đình T2, sinh năm 1986 (con);

Ông Bùi Phát H cung cấp giấy tờ xác định ông Nguyễn Văn L, Hà Văn T3 là Trưởng tập đoàn, kế toán trưởng tập đoàn 2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Phan Văn Đ1 đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Hồng S vẫn giữ nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày: Không có căn cứ việc ông H bồi thường thành quả lao động cho ông Bùi Phát H, ông T cấp giấy đồng thời với các anh em khác nên không có việc đứng tên giùm, không có chứng cứ thể hiện nội dung này. Nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H trả đất cho ông T, bà M là có căn cứ.

Về bồi thường thiệt hại: Vì tình anh em nên mà M yêu cầu chỉ bồi thường 1.800.000đ/1.000m²/1 năm là phù hợp, tạm tính thiệt hại 121.500.000đ (4.500m²x15 năm/1.800.000đ). Đề nghị sửa nội dung bồi thường, các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng vụ án: Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Về thủ tục kháng cáo: ông Võ Hồng S kháng cáo đúng hạn luật định và có nộp tạm ứng kháng cáo nên được coi là kháng cáo đúng theo quy định pháp luật.

Anh T2 không yêu cầu tham gia, không tranh chấp nên không đưa anh T2 tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về nguồn gốc đất của cụ Võ Thành Nguyên, ông H biết ông T đứng tên đất nhưng không tranh chấp và ông H cũng được cấp giấy 23.910m².

Về bồi thường thiệt hại: Dù ông T, bà M có khởi kiện từ năm 2004 đến năm 2010 bà M tự nguyện rút đơn khởi kiện, năm 2014 ông bà mới khởi kiện lại nên tính thiệt hại từ năm 2014 đến 2019 là 5 năm, tại phiên tòa yêu cầu bồi thường 1.800.000đ/1.000m²/4.500m² là có căn cứ và xem xét công sức giữ gìn, tôn tạo đất của ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLDS sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông S trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Các đương sự bà Đặng Thị Kim Đ, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1 kháng cáo quá hạn và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không chấp nhận kháng cáo quá hạn bởi Quyết số 11/2020/QĐ-PT ngày 02/3/2020. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của ông S.

[3] Anh Đào Đình T2, sinh năm 1986 là con ruột ông Đào Đình T, bà Võ Thị M có đơn tường trình xác nhận: Anh không tranh chấp, không liên quan đến vụ kiện, không yêu cầu tham gia tố tụng, không khiếu nại về việc không tham gia và kết quả giải quyết vụ án, thể hiện ý chí và quyền tự định đoạt của ông T2 nên Tòa án không đưa anh T2 tham gia tố tụng.

[4] Xét kháng cáo của ông Võ Hồng S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Võ Thành Nguyên là cha ruột của ông Võ Thanh H và bà Võ Thị M. Ông Bùi Phát Hồng là người canh tác đất, gọi ông Nguyễn là cậu ruột và đồng ý trả lại diện tích đất 4.571m² mà không nhận bất cứ khoản hỗ trợ hay bồi hoàn thành quả lao động nào và ông Hồng được ông Võ Văn Tiếng (con dòng trước của ông Nguyễn) cho biết ông Nguyễn đã cho diện tích này cho ông Đào Đình T và Võ Thị M (Biên bản làm việc ngày 14/8/2020), và ông T được UBND thị xã LX (nay là thành phố LX) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00386/eA thuộc thửa: 217, 218, 219, 220, tờ bản đồ số 02, diện tích: 4.571m², loại đất 2 lúa ngày 19/12/1989, đất tọa lạc: phường Mỹ P, thành phố LX, An Giang. Tại Công văn số 11/UBND-NC ngày 03/01/2018 của UBND thành phố LX xác định: việc cấp giấy cho ông T là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[5] Tại Đơn khởi kiện ngày 02/3/2004 và bản tự khai ngày 20/10/2009, ông T bà M là vợ chồng, cùng thừa nhận diện tích đất 4.571m^2 là cha mẹ cho chung nên xác định diện tích đất 4.571m^2 là tài sản chung của ông T, bà M theo khoản 13 Điều 3 và các Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T được nhà nước công nhận là người sử dụng đất hợp pháp từ ngày 19/12/1989 nên Nhà nước bảo hộ quyền của người sử dụng đất hợp pháp, do đó ông T, bà M khởi kiện yêu cầu ông H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H trả đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Mặc dù, ông Võ Thanh H khi còn sống có trình bày rằng: Ông ký tên cấp đất thay cho ông T và ông là người canh tác, đóng thuế. Xét thấy: Ông Lê Văn Sum (chồng bà Võ Thị Tâm chị em ruột với ông H, bà M), và ông Võ Văn Tiếng (anh em với ông H) đều xác nhận ông Nguyễn đã cho diện tích đất 4.571m^2 cho ông T, bà M. Khi ông T được cấp giấy chứng nhận ông H nhận giấy, theo đó pháp luật buộc ông H phải biết diện tích đất trên đã cấp cho ông T nhưng ông không tranh chấp, không khiếu nại coi như thừa nhận ông T có quyền sử dụng đất. Ông H có đơn đề ngày 08/4/2004, yêu cầu đội thuế phường Mỹ P xác nhận nghĩa vụ nộp thuế thì ngày 09/4/2004, đội thuế xác nhận ông Đào Đình T có đăng ký nộp thuế đối với diện tích: 4.571m^2 và không nợ thuế. Như vậy, có căn cứ xác định ông T đứng tên đất, có nộp thuế nông nghiệp là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người đứng tên đất hợp pháp.

[7] Cụ Nguyễn, cụ Khải đã cho ông T, bà M diện tích đất: 4.571m^2 tương đương với diện tích mà hai cụ cho vợ chồng bà Võ Thị Tâm, ông Lê Văn Sum: 5.469m^2 đất, ông Võ Văn Tiếng cũng được cho: 4.950m^2 và ông H đang canh tác, quản lý, sử dụng trên 16.000m^2 đất nên ông chứng minh đất này thuộc về ông là cũng không hợp tình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Thanh H gồm: Bà Đặng Thị Kim Đ, ông Võ Hồng S, ông Võ Đình Tr, bà Võ Hồng Thanh Tr1, bà Võ Hồng Thanh T1 trả diện tích đất: 4.571m^2 , đất tọa lạc tại phường Mỹ P, thành phố LX, tỉnh An Giang và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00386/eA thuộc thửa: 217, 218, 219, 220, tờ bản đồ số 02, diện tích: 4.571m^2 , loại đất 2 lúa ngày 19/12/1989 cấp cho ông Đào Đình T cho vợ chồng bà Võ Thị M, ông Đào Đình T như cấp sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ pháp luật.

[8] Về bồi thường hoa lợi: Năm 2014, Ông T, bà M đã khởi kiện đòi đất nên đã xác định ông H canh tác đất có tranh chấp; ông H không trả đất và tiếp tục canh tác, ông lại cho Công Ty Ba Lá Phong thuê thu hoa lợi mỗi năm $3.000.000\text{đ}/1.000\text{m}^2/01\text{năm}$ nên ông T, bà M yêu cầu bồi thường do thất thu về hoa lợi là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử động viên và được bà M và cũng là đại diện cho ông T chỉ yêu cầu $1.800.000\text{đ}/1.000\text{m}^2/01\text{năm}$ là có nghĩ đến tình anh em và công sức giữ gìn, tôn tạo đất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về thời gian bồi thường từ năm 2004 đến năm 2019 là chưa phù hợp. Bởi vì: Bà M xác nhận do không có điều kiện canh tác diện tích 4.571m^2 và nghe lời cụ Khải để đất cho ông H canh tác do có khó khăn.

Dù ông T bà M khởi kiện từ năm 2004 nhưng đến năm 2010 thì ông bà tự nguyện rút đơn khởi kiện. Năm 2014, bà M, ông T khởi kiện lại nên xác định từ năm 2014 đến năm 2019 là 05 năm lợi ích của ông T, bà M gắn liền với quyền sử dụng bị xâm phạm như Đại diện viện kiểm sát đề nghị nên được xem xét chấp nhận. Tại phiên tòa, bà M yêu cầu bồi thường về thiệt hại cho diện tích đất 4.500m^2 là có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo về bồi thường thiệt hại của ông S.

Số tiền bồi thường thiệt hại: $4.500\text{m}^2 \times 1.800.000\text{đ}/1.000\text{m}^2 \times 5 \text{ năm} = 40.500.000\text{đ}$.

[9] Về phản tố hủy giấy và yêu cầu công nhận diện tích đất 4.571m^2 cho ông H. Về hủy giấy: Cấp sơ thẩm căn cứ vào Công văn số 11/UBND-NC ngày 03/01/2018 của UBND thành phố LX xác định cấp giấy chứng nhận cho ông T đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên không có căn cứ hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00386/eA được UBND TX. LX cấp ngày 19/12/1989 cho ông Đào Đình T.

Về yêu cầu có quyền sử dụng đối với diện tích 4.571m^2 của ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00386/eA được UBND TX. LX cấp ngày 19/12/1989 nên được coi nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất của ông T từ năm 1989. Mặc dù, Ông H có canh tác từ năm 1989 nhưng đến năm 2004 cũng không đủ căn cứ để xác lập quyền sử dụng theo quy định tại Điều 247 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 236 Bộ luật dân sự 2015).

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận huỷ giấy cấp cho ông T và không xác định ông H có quyền sử dụng đất với diện tích 4.571m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[10] Chi phí tố tụng: 1.974.343đ, ông T, bà M tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Kim Đ, ông Võ Hồng S, ông Võ Đình Tr, bà Võ Hồng Thanh Tr1, bà Võ Hồng Thanh T1 thường bồi 40.500.000đ nên phải chịu án phí sơ thẩm: 2.025.000đ nộp tại Chi cục thi hành án thành phố LX.

Bà M, ông T yêu cầu bồi thường 121.500.000đ nhưng Tòa án chỉ chấp nhận 40.500.000đ nên ông bà phải chịu án phí sơ thẩm của số tiền không được chấp nhận 81.000.000đ; Ông T, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.050.000đ, khấu trừ 1.700.000đ tiền tạm ứng án phí, ông bà còn phải nộp: 2.350.000đ nộp tại Chi cục thi hành dân sự thành phố LX.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông S được chấp nhận một phần nên ông không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho ông 300.000đ tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

Bà M, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Hồng S

Sửa Bản án sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các điều 255, 256, 608 Bộ luật dân sự 2005 (Các điều 163, 164, 166, 236, 589, 688, Bộ luật dân sự 2015)

- Căn cứ khoản 13 Điều 3 và các Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 39 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 95, khoản 5, 7 Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đình T và bà Võ Thị M đối với ông Võ Thanh H, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H là Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1 có trách nhiệm trả lại diện tích đất 4.571m² được xác định tại các điểm 3-33-13-15-20-19-21 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX xác lập ngày 11/9/2019 (Số hồ sơ lưu: Điều chỉnh bản vẽ số 1414VP-15-PC; bản vẽ này là một bộ phận không tách rời của bản án), đất tọa lạc: phường Mỹ Phước, thành phố LX, tỉnh An Giang và trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00386/eA được UBND TX. LX cấp ngày 19/12/1989 cho ông Đào Đình T cho vợ chồng bà Võ Thị M, ông Đào Đình T.

Ông T, bà M được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1 liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông T, bà M số tiền 40.500.000đồng (Bốn chục triệu, năm trăm ngàn đồng).

[3] Đình chỉ đối với việc ông T, bà M rút lại yêu cầu tiếp tục tính bồi thường từ ngày 04/3/2019 đến ngày người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H thực hiện xong việc trả đất.

[4] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Thanh H, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H và nội dung kháng cáo của Võ Hồng S về công nhận quyền sử dụng đất đất 4.571m² và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00386/eA được UBND TX. LX cấp ngày 19/12/1989 cho ông Đào Đình T.

[5] Chi phí tố tụng khác: 1.974.393 đồng, ông T, bà M tự nguyện chịu và thực hiện xong.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.050.000đ, khấu trừ 1.700.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002939 ngày 15/7/2015 và 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002130 ngày 14/11/2014, ông bà còn phải nộp: 2.350.000đ tại Chi cục thi hành dân sự thành phố LX.

Bà Đặng Thị Kim Đ, Võ Hồng S, Võ Đình Tr, Võ Hồng Thanh Tr1, Võ Hồng Thanh T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm: 2.025.000đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông S không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009984 ngày 12/02/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố LX.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn cáo kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TP. LX;
- Chi cục THA-DS TP. LX;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo